

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HƯNG

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG QUẦN ÁO CÁC
LOẠI VỚI CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm thực hiện: 206 Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ DỰ ÁN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Chơ

Quận 12, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH	iv
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY Cổ phần Việt Hưng.....	1
2. Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG QUẦN ÁO CÁC LOẠI VỚI CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM.	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở.....	1
3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:.....	1
3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở	1
3.3 Sản phẩm của cơ sở	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở.....	3
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG.....	6
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	6
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)	6
Chương III.....	7
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	7
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	7
1.1 Thu gom, thoát nước mưa:	7
1.2 Thu gom, thoát nước thải:	7
1.3 Xử lý nước thải	7
2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	10
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	11
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	11
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	12
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	12
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	18
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	18
1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải	18
1.1.1 Nguồn phát sinh	18
1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải.....	18

1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 31 m ³ /ngày.đêm	18
1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	18
1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục	18
1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm	19
1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	19
2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng	20
3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường.....	20
3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung	20
3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	20
3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	20
3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	20
3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	21
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	21
4.1 Quản lý chất thải rắn.....	21
4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh	21
4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	21
4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	22
5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.....	22
CHƯƠNG V.....	23
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	23
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	23
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không thuộc đối tượng quan trắc.23	
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	24
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	24
1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	24
2. Chương trình quan trắc chất thải.....	25
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng.....	25
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	26

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu.....	26
2. Cam kết thực hiện luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường.....	26

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở.....	3
Bảng 1. 2 Danh sách nhiên liệu sử dụng của Cơ sở.....	3
Bảng 1. 3 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở.....	3
Bảng 1. 4 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty.....	4
Bảng 1. 5 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở.....	4
Bảng 1. 6 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.....	4
Bảng 3. 1 Chất lượng nước thải của Công ty.....	9
Bảng 3. 2 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm.....	11
Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2021.....	23
Bảng 6. 1 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	24
Bảng 6. 2 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	24
Bảng 6. 3 Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	25

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1 Quy trình sản xuất của Cơ sở.....	2
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa.....	7
Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	8
Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty.....	8
Hình 3. 4 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	14

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HUNG

– Địa chỉ văn phòng: 206 Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

– Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông NGUYỄN TUẤN PHƯƠNG

– Điện thoại: 0283.883.1839 Fax: “Không có” Email: “Không có”

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0302417128 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2021 (Đăng ký thay đổi lần 7).

2. Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG QUẦN ÁO CÁC LOẠI VỚI CÔNG SUẤT 2.000.000 SẢN PHẨM/NĂM.

– Địa điểm cơ sở: 206 Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Quyền sử dụng đất số CCC12/1a/QSĐĐ/472/UB được Ủy ban nhân dân cấp ngày 27/12/2000. Từ ngày 01/10/2001, chấm dứt việc thuê đất của Công ty may Việt Tiến và cho Công ty Cổ phần Việt Hưng tiếp tục thuê khu đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh may mặc (Thời gian thuê từ 01/10/2001 đến hết ngày 01/07/2049).

– Quá trình hoạt động của Cơ sở:

+ Công ty Cổ phần Việt Hưng được thành lập từ 01/10/2001 theo quyết định số 40/QĐ – BCN của Bộ trưởng bộ Công nghiệp trên cơ sở phân hóa từ Xí nghiệp may Việt Hưng thuộc Tổng công ty cổ phần may Việt Tiến do Ông Phan Công Minh làm đại diện theo pháp luật. Ngành nghề: gia công hàng may mặc các loại.

+ Ngày 31/12/2021: Công ty Cổ phần Việt Hưng chuyển nhượng cổ phần cá nhân cho các pháp nhân là Tổng Công ty CP Việt Tiến và các công ty thành viên của Việt Tiến.

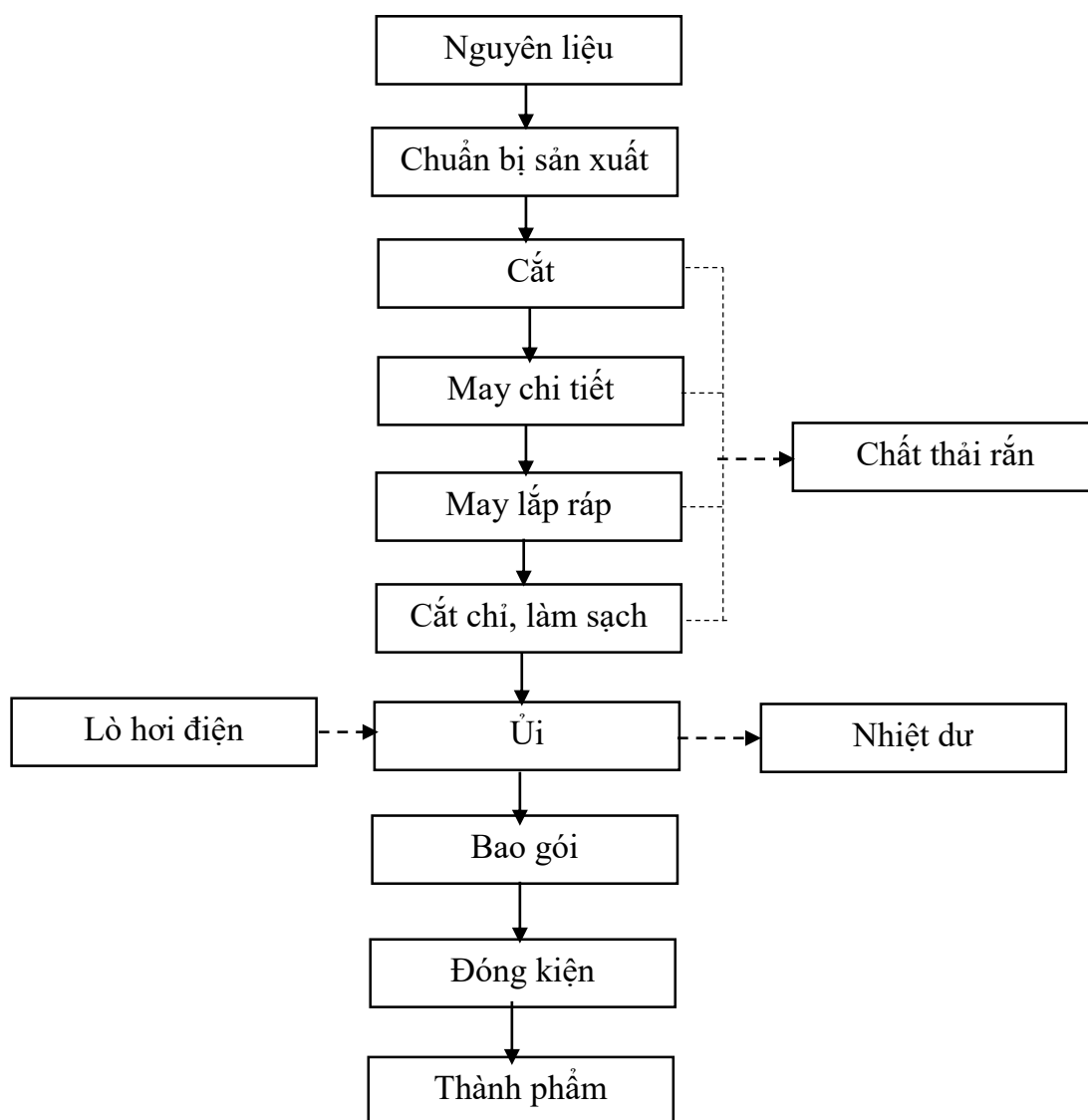
+ Nay, Công ty Cổ phần Việt Hưng là một pháp nhân mới trực thuộc tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến.

– Quy mô của cơ sở: Cơ sở thuộc khoản 4, Điều 8 (Cơ sở nhà máy sản xuất các sản phẩm may có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng), Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, Cơ sở đầu tư thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C. Do đó, Cơ sở thuộc Danh mục các cơ sở đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường theo quy định tại Mục II.2 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Nội dung báo cáo được trình bày theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở

3.1 Công suất hoạt động của cơ sở: 2.000.000 sản phẩm/năm

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1. 1 Quy trình sản xuất của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Cắt: Nguyên liệu sau khi nhập về được cắt từ dạng tấm hoặc mảnh thành các chi tiết bán thành phẩm theo sơ đồ, cung cấp cho xưởng may.

May: Các chi tiết sau khi cắt được chuyển qua công đoạn may. Tại đây sẽ diễn ra quá trình gia công, ráp nối các chi tiết bán thành phẩm để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh, bao gồm việc may chi tiết và may lắp ráp. Đây là công đoạn quan trọng nhất, quyết định đến chất lượng sản phẩm.

Hoàn tất: Sản phẩm sau khi ra dây chuyền sẽ được kiểm tra các thông số như kích thước, yêu cầu kỹ thuật về đường may, chất lượng sản phẩm.

Làm sạch: Trong quá trình vận chuyển hay do bụi, phấn màu,... trong quá trình may làm bẩn sản phẩm, nên sau khi gia công sẽ được chuyển qua bộ phận làm sạch sản phẩm.

Bao gói và đóng kiện: Sau khi ủi sản phẩm được làm nguội; ở khu vực đóng gói, sản phẩm đạt chất lượng được vô hộp và đóng gói theo các mẫu mã, khối lượng khác nhau tùy vào yêu cầu sản xuất.

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Ngành nghề kinh doanh của Cơ sở là sản xuất và gia công quần áo các loại với công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở

✚ Giai đoạn hoạt động:

a/ Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

Bảng 1. 1 Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở

STT	Tên nguyên liệu, phụ liệu	Đơn vị/năm	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1.	Vải các loại (vải cotton, vải PE, vải nỉ, vải kate, vải kaki,...)	Yds	2.626.237	Khách hàng
2.	Chỉ may	Cuộn	96.869	Khách hàng
3.	Cúc	Chiếc	14.685.681	Khách hàng
4.	Dây kéo	Chiếc	5.217	Khách hàng
5.	Bao nilon	Chiếc	1.023.512	Khách hàng
6.	Thùng carton	Chiếc	101.215	Khách hàng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

Bảng 1. 2 Danh sách nhiên liệu sử dụng của Cơ sở

STT	Tên nhiên liệu	Đơn vị/tháng	Khối lượng	Mục đích
1.	Dầu DO	Lít	21	Dùng cho máy phát điện và bôi trơn máy móc thiết bị
2.	Gas LTP	Kg	1.866	Dùng cho nấu ăn

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

Bảng 1. 3 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở

TT	THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG
1.	Máy may	Cái	718	Nhật	75%
2.	Máy cắt vải	Cái	09	Nhật	75%
3.	Máy vắt sò	Cái	101	Nhật	75%
4.	Máy trải vải	Cái	02	Nhật	75%
5.	Lò hơi điện	Cái	03	Nhật	75%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở là Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở:

Bảng 1. 4 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty

STT	Tháng	Lưu lượng (m ³ /tháng)
1	Tháng 4/2023	832
2	Tháng 5/2023	924
3	Tháng 6/2023	860
Tổng		2.616
Trung bình		872

Theo bảng 1.4, lưu lượng nước cấp trung bình tháng là 872 m³/ngày tương đương 33,5 m³/ngày.

❖ **Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên**

Bảng 1. 5 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân và nấu ăn (517 công nhân viên)	31	Phát sinh nước thải Qthải = 100% Qcấp
2	Nước cấp nồi hơi điện 40L	0,12	Không phát sinh nước thải
3	Nước tưới cây, rửa đường và PCCC	2,38	Không phát sinh nước thải
Tổng		33,5	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

e. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho hoạt động sản xuất, thấp sáng của dự án là Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông.

Nhu cầu sử dụng điện 119.732,7 kW/tháng (Theo hóa đơn tiền điện tháng 4,5,6/2023).

f. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích thuê đất 6.191 m² được bố trí như sau:

Bảng 1. 6 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính			
1.	Nhà xưởng	2.646,6		
2.	Cửa hàng trưng bày	900		Hiện hữu
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
3.	Căn tin, nhà ăn	740		Hiện hữu
4.	Trạm điện, máy phát điện	39		Hiện hữu
5.	Nhà bảo vệ	27		
6.	Bãi đậu xe	100		
7.	Bể nước ngầm 100 m ³	-		
8.	Phòng bơm	24		
III	Các công trình bảo vệ môi trường			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên công trình	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
9.	Hệ thống xử lý nước thải	72		
10.	Khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt	6		
11.	Khu vực chứa chất thải công nghiệp	20		
12.	Khu vực chứa chất thải nguy hại	4		
IV	Các hạng mục khác			
13.	Cây xanh, Đường nội bộ, sân bãi	1.612,4		Hiện hữu
Tổng cộng		6.191		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Cơ sở nằm tại 206 Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

– Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R259510, số thửa 101, số tờ bản đồ 3 được UBND cấp ngày 27/12/2000 vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CCC12/1a/QSDD/472/UB, mục đích sử dụng xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh may mặc.

Vì vậy, Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Cơ sở nằm tại số 206 Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Vị trí tiếp giáp của Công ty như sau:

- Hướng Đông: giáp nhà dân
- Hướng Tây: giáp Quốc lộ 22
- Hướng Nam: giáp nhà dân
- Hướng Bắc: giáp nhà dân

Chương III.

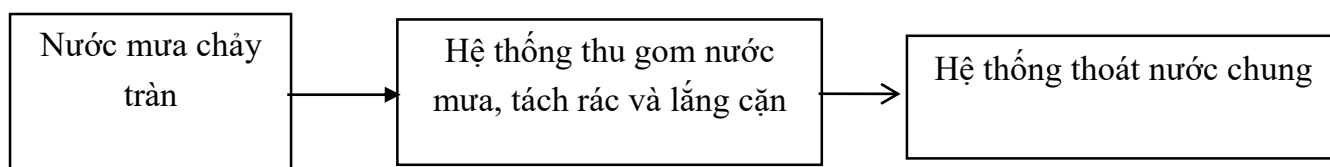
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch, chỉ có mưa đợt đầu (khoảng 10 phút) có khả năng nhiễm bẩn do kéo theo các chất rắn, bụi, đất cát trên bề mặt. So với tiêu chuẩn nước thải thì nước mưa chảy tràn tương đối sạch do đó có thể tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi nước thải bằng cách xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, cùng các hố ga có song chắn rác, kết hợp với việc quản lý tốt nguyên liệu, phế phẩm để tránh gây nhiễm bẩn nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng các ống máng chảy theo ống PVC vào cống thoát nước mưa bằng bê tông xung quanh cơ sở và chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của khu vực.



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bao gồm máng dẫn nước, ống đứng, rãnh thoát nước mưa có nắp đan, rãnh hở. Máng dẫn nước được bố trí tại viền mép mái nhà xưởng (độ dốc mái 15-20%). Tại đầu các ống đứng có lắp đặt các phễu thu và lưới chắn rác để giữ lại rác, lá cây, cặn bẩn,...tránh làm tắc đường ống.

Hệ thống thu gom nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ của Nhà máy, được chảy vào cống BT D600 có độ dốc $i = 0,2 \div 0,35\%$.

Phương thức xả nước mưa: tự chảy

Định kì công ty bố trí cán bộ kiểm tra hệ thống thoát nước mưa chảy tràn, nạo vét hố ga tránh tình trạng tắc nghẽn, đặc biệt là vào mùa mưa

1.2 Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

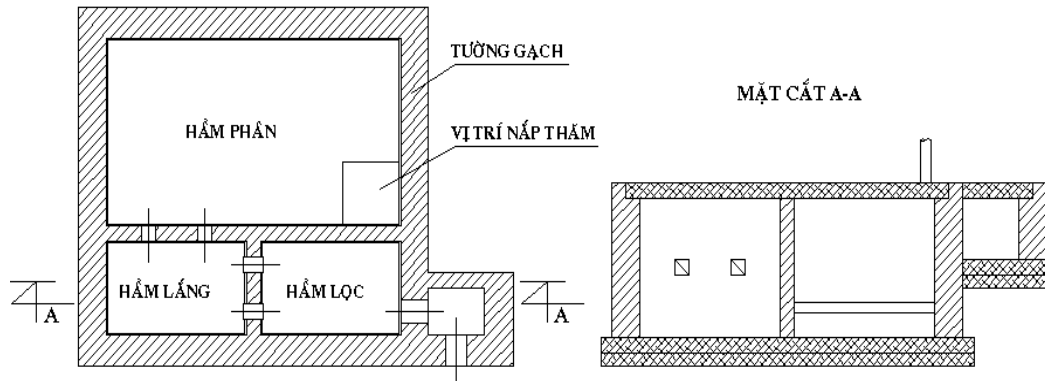
– Nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên như hoạt động rửa tay chân, nước thải từ nhà vệ sinh với lưu lượng 31 m³/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli). Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn về HTXL nước thải 70 m³/ngày của cơ sở xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực.

1.3 Xử lý nước thải

Biện pháp khắc phục:

Đối với nước thải từ nhà vệ sinh:

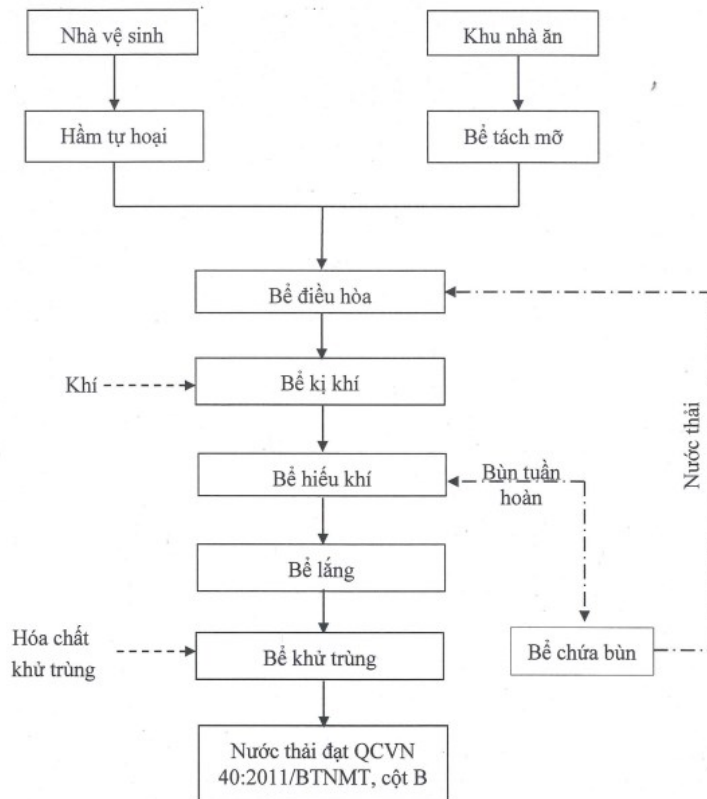
Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh (âu tiêu, bệ xí) với lưu lượng khoảng 31 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó được tiền xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo các bể như sau:



Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan.

Vì vậy, sau khi nước thải đi qua bể tự hoại sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải với công suất 70 m³/ngày.đêm của công ty đã xử lý đạt quy chuẩn trước khi nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.



Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty

Thuyết minh quy trình công nghệ

Nước thải nhà ăn qua bể tách dầu mỡ, bể có nhiệm vụ tách lượng dầu mỡ trong nước thải để cho quá trình xử lý đạt hiệu quả cao. Sau khi qua bể nước thải nhà ăn cùng với nước thải nhà vệ sinh đã qua hầm tự hoại 3 ngăn được thu gom về bể điều hòa.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Nước thải sau đó được bơm qua bể kỵ khí.

Tại bể kỵ khí các quá trình kỵ khí diễn ra sẽ giúp phân hủy các chất hữu cơ và các chất khó phân hủy có trong nước thải. Quá trình phân hủy kỵ khí tạo điều kiện giảm nồng độ BOD, COD trong nước thải tạo điều kiện tốt hơn cho các quá trình xử lý tiếp theo. Từ bể kỵ khí nước thải sẽ được dẫn vào bể sinh học hiếu khí.

Bể sinh học hiếu khí được thực hiện quá trình phân hủy các hợp chất bằng phương pháp sinh học. Quá trình phân hủy các hợp chất xảy ra khi các chất bẩn được tiếp xúc với các vi sinh vật. Oxy được cấp liên tục nhằm đảm bảo duy trì điều kiện hiếu khí cho quá trình xử lý tại đây. Sau đó, nước thải được dẫn ra bể lắng.

Tại bể lắng, các bông bùn có kích thước lớn nhờ trọng lực lắng xuống đáy bể. Bùn lắng sẽ được tuần hoàn một phần về bể sinh học hiếu khí nhằm cung cấp vi sinh vật tham gia quá trình xử lý và một phần cơ chất cho vi sinh vật, phần còn lại sẽ được gom về bể chứa bùn, được hút xả định kỳ. Nước thải được dẫn sang bể khử trùng.

Tại bể khử trùng, hóa chất thường được sử dụng là Chlorine dạng bột Cacilum Hypochorite – $\text{Ca}(\text{OCl})_2$. Ngoài chức năng khử trùng, $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ còn có chức năng oxy hóa một phần các chất hữu cơ còn lại trong nước thải, góp phần nâng cao chất lượng nước thải đầu ra. Sau đó nước cho qua bể chứa trước khi thải ra ngoài.

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Đánh giá hiệu quả:

Tham khảo kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty:

Bảng 3. 1 Chất lượng nước thải của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	08/12/2021	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B
1.	pH	-	7,76	5,5 – 9
2.	TSS	mg/L	20	100
3.	COD	mg/L	33	150
4.	BOD ₅	mg/L	13	50
5.	Amoni	mg/L	0,77	10
6.	Tổng Nito	mg/L	12,5	40
7.	Tổng phospho	mg/L	0,87	6
8.	Coliform	MPN/100ml	KPH	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy chất lượng nước thải nằm trong QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Vì vậy, hệ thống xử lý nước thải của Công ty vẫn còn khả năng xử lý tốt.

2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Biện pháp giảm thiểu bụi từ phương tiện vận chuyển

– Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới sẽ đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động

– Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ. Thường xuyên tưới nước làm mát và giảm bụi sa lắng phát tán.

– Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.

– Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong cơ sở cùng thời điểm.

– Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt.

– Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào những ngày nắng nóng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào cơ sở.

– Quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên cơ sở.

– Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của công ty, công ty luôn tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

– Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Áp dụng các biện pháp trên, tác động của tiếng ồn và khí thải có thể được giảm thiểu khoảng 70 – 90%.

❖ Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn sản xuất:

Trong quá trình sản xuất, bụi phát sinh chủ yếu là bụi vải, tuy nhiên cơ sở sử dụng máy cắt tự động công nghệ cao nên hạn chế phần bụi phát sinh. Vì vậy lượng bụi phát sinh không đáng kể và không có khả năng gây phát tán xa, nên không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh mà chỉ tác động đến công nhân lao động trực tiếp tại nhà máy.

Biện pháp:

Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi như sau:

– Bố trí công nhân quét dọn để thu gom bụi rơi vải trên sàn nhà, tại các vị trí phát sinh bụi

– Trang bị khẩu trang, mắt kính chống bụi cho các công nhân làm việc trong xưởng sản xuất cũng như cho khách hàng ra vào xưởng.

– Hàng ngày cử công nhân viên quét dọn và thu gom hạt nhựa và các bụi rơi vải tại cửa nạp liệu trong khu sản xuất.

– Hệ thống thông gió thông thoáng nhà xưởng.

❖ Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Chủ cơ sở sử dụng một máy phát điện dự phòng với công suất 750 KVA phòng khi có sự cố mất điện và nhiên liệu sử dụng là dầu DO. Tuy nhiên, máy phát điện hoạt động không thường xuyên nên chủ cơ sở đã trang bị ống khói cao 7m, D114mm để phân tán khí ra ngoài, không gây ảnh hưởng đến công nhân viên.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ Chất thải rắn sinh hoạt:

Với số lượng công nhân của nhà máy là 517 người, làm phát sinh khối lượng rác thải sinh hoạt khoảng 93 kg/ngày. (Căn cứ vào biên bản giao nhận chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường của năm 2021 và 2022)

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được phân thành 02 loại như sau:

- Rác vô cơ: Gồm các loại phế thải thủy tinh, giấy, , nhựa, ,...v.v.
- Rác hữu cơ: Gồm cây cỏ loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, thực phẩm, đồ ăn thừa,...v.v

Để thu gom lượng rác này, Chủ Cơ sở sẽ bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- Thùng 15 lít đặt tại nhà vệ sinh;
- Thùng 60 lít đặt tại nhà xưởng;
- Thùng 120 lít có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa với diện tích 6m² để thuận tiện cho việc thu gom.

Đối với các loại rác thải sinh hoạt công ty đang ký hợp đồng với Hợp tác xã vận tải và du lịch Phú Lộc.

➤ Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Nguồn phát sinh: Trong quá trình sản xuất của nhà máy, chất thải rắn phát sinh bao gồm vải vụn, lõi chỉ vụn, thùng carton,... ước tính khối lượng khoảng 3.662 kg/tháng. Công ty lưu chứa tạm thời tại khu vực lưu chứa với diện tích 20m².

Biện pháp: Các chất thải rắn có thể tận dụng lại được như thùng carton, giấy vụn, ... sẽ được thu gom, phân loại và bán cho đơn vị thu gom phế liệu.

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Môi trường Cường Định thu gom và vận chuyển.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Hiện tại: Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm: bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu lọc,... Một số chất thải và khối lượng chi tiết của các chất thải nguy hại phát sinh như sau:

Bảng 3. 2 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	37	16 01 06
2.	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	13	18 02 01
3.	Pin ắc quy chì thải	Rắn	03	19 06 01
4.	Hộp mực in thải	Rắn	01	08 02 04
Tổng			54	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

Biện pháp:

– Chất thải nguy hại được chứa trong thùng phuy có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa tạm thời với diện tích 04m². Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao quanh xây gạch, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng, mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

– Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty CP Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

➤ Phòng chống cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa, khắc phục và vệ sinh sau sự cố được mô tả chi tiết ở phần trên. Hệ thống chữa và báo cháy sẽ được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

– Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

– Các sản phẩm trong kho sẽ được bố trí đảm bảo cự ly an toàn về phòng cháy nổ, hoặc các biện pháp phòng cháy nổ theo đúng các quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành.

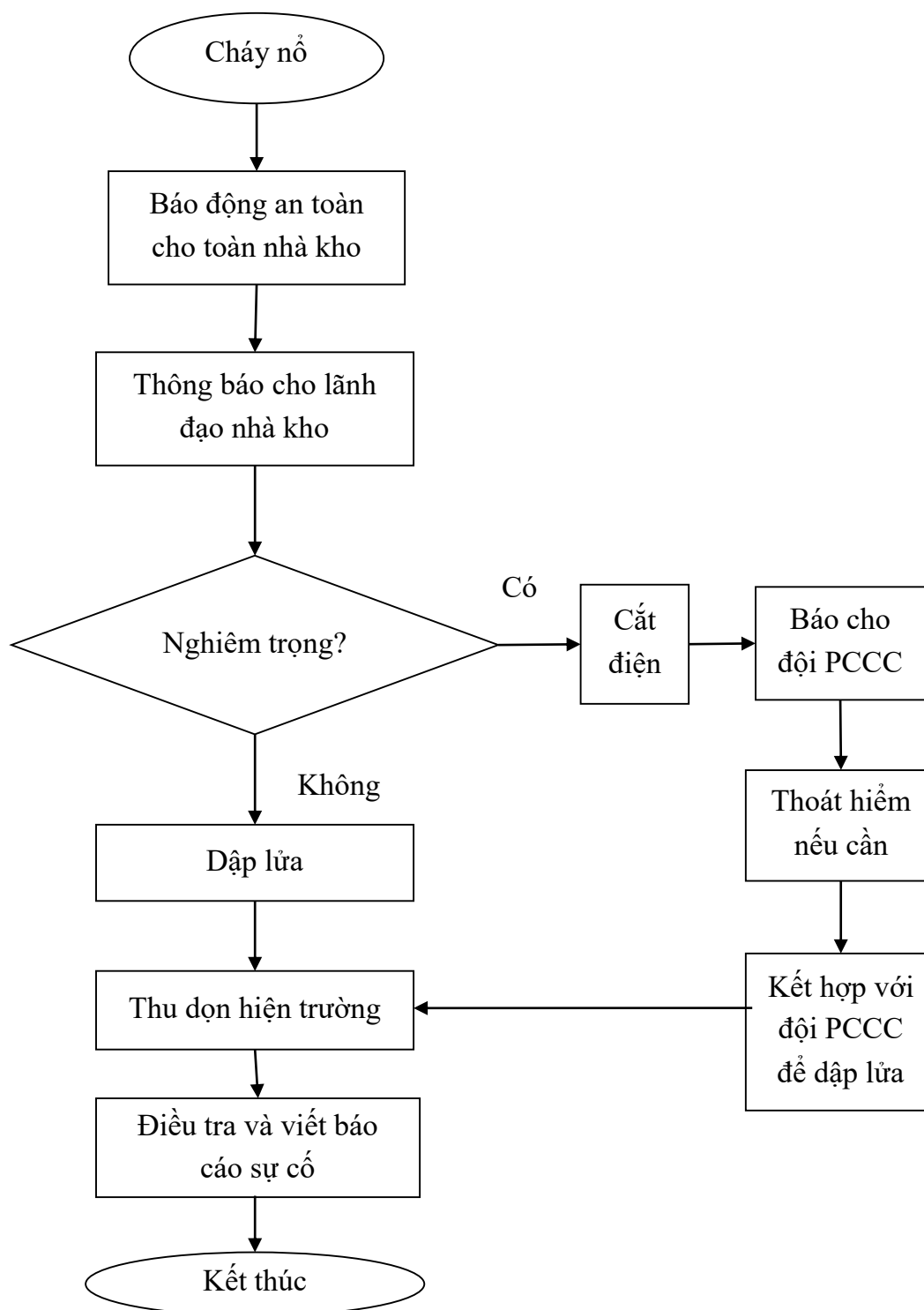
– Trang bị các bình chữa cháy di động tại vị trí cần thiết theo chỉ định bởi công an PCCC.

– Các trang thiết bị chữa cháy được bảo quản ở nơi thoáng mát, dễ thấy, dễ lấy khi cần thiết sử dụng; có các dấu hiệu nhận biết nhanh chóng nơi cất giữ theo quy định của PCCC.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn để hạn chế việc rò rỉ điện
- Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc về phòng chống cháy nổ khi vận chuyển cũng như sử dụng các vật liệu dễ gây cháy nổ.
- Đối với vật liệu dễ gây cháy nổ, chúng tôi sẽ có biển báo rõ ràng, dễ đọc.
- Trang bị hệ thống chỉ dẫn lối thoát nạn bao gồm:
 - Đèn Exit: Sử dụng các đèn chỉ dẫn thoát nạn hiện hữu và dán các bảng chỉ dẫn thoát nạn nhằm giúp cho người thoát nạn một cách dễ dàng và nhanh chóng khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra.

Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 4 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

➤ Phòng ngừa rò rỉ điện

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay

bóng đèn chỉ thị, để nhân viên vận hành theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.

- Sử dụng vật liệu cách điện tốt.
- Lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài.
- Giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm.
- Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót các tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.
- Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.
- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

➤ **Các biện pháp phòng ngừa sự cố đối với bể tự hoại**

- Thiết kế và xây dựng bể tự hoại đúng theo quy định, bể tự hoại được xây âm, chống thấm để đảm bảo chất ô nhiễm không thấm vào đất.
- Thường xuyên kiểm tra bể tự hoại để phát hiện các sự cố và có biện pháp sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên hút bùn trong bể tự hoại để đảm bảo thể tích chứa và phân hủy cặn của bể.
- Lắp đặt ống thông hơi cho bể tự hoại để đảm bảo khí được thoát ra ngoài, đảm bảo hoạt động bình thường của bể tự hoại.

➤ **Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:**

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải;
- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý;
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý các sự cố cho nhân viên phụ trách;
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời.

➤ **Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ và rò rỉ hóa chất:**

- Báo động
 - + Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách phòng gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.
 - + Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).
- Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ
 - + Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.
 - + Nhanh chóng xác định hóa chất, khí gas rò rỉ từ đường ống, van nào.
 - + Xác định tên, vị trí chảy tràn, đường ống, van...
- Mang thiết bị bảo hộ lao động

- + Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,....
- + Các bảo hộ cá nhân khác,...
- + Các đơn vị sản xuất có trang bị dụng cụ phòng hộ (kính bảo hộ/ găng tay) các cá nhân đều được trang bị dụng cụ phòng hộ (nhét tai, nón an toàn v.v...).
- + Các đơn vị sản xuất có trang bị công cụ quét dọn vệ sinh không gian, và quản lý phân loại rác, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ và tái sử dụng tài vật liệu.
- + Nhân viên phòng thực nhiệm phải được qua đào tạo và tuyển chọn chuyên nghiệp, để có thể giảm thiểu đến tối sự cố tai nạn phát sinh.
 - Tắt nguồn gây tràn: tắt các đường ống, van, thùng chứa gây rò rỉ
 - + Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn bể.
 - + Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết... và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.
 - Cô lập khu vực rò rỉ
 - + Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ ai đi qua khu vực rò rỉ.
 - + Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho khí gas rò rỉ; hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống công...
 - + Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.
 - + Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.
 - + Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.
 - + Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố.
 - + Đối với khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng tại cơ sở sẽ được bố trí rãnh thu gom xung quanh khu vực này. Khi có sự cố xảy ra, hóa chất rò rỉ được thu gom vào 1 hố ga của khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng và được thu gom cùng CTNH tại cơ sở. Khi có sự cố tràn đổ chủ đầu tư sẽ thực hiện công tác thông thoáng và tạm ngưng hoạt động trong thời gian này.

➤ *Chiến lược quản lý sự cố bao gồm các bước:*

- - Phác thảo kế hoạch: là bước sơ khởi trong chiến lược quản lý sự cố.
- - Lập kế hoạch trên giấy: Việc vạch ra một phương hướng hành động cần phải thật chi tiết, hoàn chỉnh bằng văn bản giấy tờ. Bản kế hoạch chính thức cần phải có ý kiến hoặc được phê duyệt của lãnh đạo cơ quan hay các cấp có thẩm quyền để có tính khả thi.
 - - Thực hiện kế hoạch
 - - Hành động ứng cứu khẩn cấp và vệ sinh sau sự cố
 - - Khi sự cố xảy ra, mọi hành động ứng cứu được thực hiện dựa trên nguyên tắc hàng đầu là bảo vệ tính mạng con người và cộng đồng dân cư, tiếp theo là bảo vệ môi trường, cuối cùng mới là bảo vệ thiệt hại về tài sản.

Hoạt động ứng cứu khi có sự cố bao gồm hai giai đoạn:

1. Giai đoạn ứng cứu.
2. Vệ sinh sau sự cố.
 - Hành động ứng phó khẩn cấp

– Mỗi loại hoá chất đều có đặc tính riêng biệt, do đó khi sự cố xảy ra ta cần phải phán đoán chính xác nguyên nhân để thực hiện các biện pháp ứng cứu thích hợp. Người có trách nhiệm trong việc xử lý sự cố tại hiện trường cần phải nhanh chóng đưa ra những quyết định để ngăn chặn sự cố, phân tán sự cố, bảo đảm an toàn cho con người, môi trường và tài sản.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải

1.1.1 Nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng 31 m³/ngày.đêm

1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

1.1.2.1 Nguồn tiếp nhận: hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực

1.1.2.2 Vị trí xả thải

- Vị trí: 206 Quốc lộ 22, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. Hcm.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1.199.761; Y= 593.915 (Theo hệ VN-2000, kinh tuyến 105⁰45, múi chiều 3⁰).

1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 31 m³/ngày.đêm

1.1.3.1 Phương thức xả nước thải: bơm

1.1.3.2 Chế độ xả thải: liên tục

1.1.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi chú quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

STT	Thông số	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1.	pH	5,5 - 9
2.	TSS	100
3.	COD	150
4.	BOD ₅	50
5.	Amoni	10
6.	Tổng Nito	40
7.	Tổng phospho	6
8.	Tổng Coliform ^(*)	5.000

1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

– Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nhà vệ sinh, sinh hoạt của công nhân viên sau bể tự hoại với lưu lượng 31m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm đầu nối trên đường Quốc lộ 22 với tọa độ X= 1.199.761; Y= 593.915 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiều 3⁰).

1.2.1.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + Nước thải nhà ăn sau bể tách mỡ → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường Quốc lộ 22).

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polime, Chlorine.

– Công suất: 70 m³/ngày.đêm

1.2.1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.2.1.4 Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

– Khi bể tự hoại tắc nghẽn do đầy, cần hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

– Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để tránh nước thải tràn ra bên ngoài.

– Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố chưa thể khắc phục ngay và ngưng hoạt động nếu cần.

– Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1.2.2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Ba (03) tháng từ khi giấy phép môi trường được phê duyệt.

1.2.2.2 Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm

– Hệ thống xử lý nước thải với công suất 70 m³/ngày.đêm.

❖ **Vị trí lấy mẫu:** Theo vị trí được cấp phép tại phần 1, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰

❖ **Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** theo giới hạn cho phép quy định tại phần 1.1.3.3.

1.2.2.3 Tần suất lấy mẫu

– Thời gian đánh giá trong giai đoạn ổn định của Công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

– Loại mẫu và vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải

– Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.

1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

– Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực.

– Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

– Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn theo quy định.

– Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng

3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

– Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng

3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung


– Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1199679, Y = 594224

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3.1.3 Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

 **Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

 **Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

– Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.2.2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần 3.1, chương V. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2.2.2 Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1 Quản lý chất thải rắn

4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	37	16 01 06
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	13	18 02 01
3	Pin ắc quy chì thải	Rắn	03	19 06 01
4	Hộp mực in thải	Rắn	01	08 02 04
Tổng			54	

4.1.1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Thùng carton, vải vụn, chỉ vụn,...	3.662
TỔNG KHỐI LƯỢNG		3.662

4.1.1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2.418

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: thùng phuy có nắp đậy
- Kho/khu vực chứa trong nhà:

+ Diện tích kho: 04m²

+ Thiết kế, cấu tạo: tường bao quanh xây gạch, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng, mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.1.2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

– Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy

– Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 20m²

+ Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn.

4.1.2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

– Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 120L có nắp đậy

– Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 06m²

+ Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn.

4.1.2.4 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

– Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

5.1 Công ty Cổ phần Việt Hưng có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.

5.2 Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.3 Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QUÝ 1	QUÝ 2	QUÝ 3	QUÝ 4	QCVN 40:2011/BT NMT, Cột B
1.	pH	-	6,99	6,84	4,88	7,76	5,5 – 9
2.	TSS	mg/L	15	16	95	20	100
3.	COD	mg/L	24	29	19	33	150
4.	BOD ₅	mg/L	9	10	7	13	50
5.	Amoni	mg/L	KPH	0,65	6,5	0,77	10
6.	Tổng Nito	mg/L	9,6	10,8	18,5	12,5	40
7.	Tổng phospho	mg/L	0,52	0,68	2,16	0,87	6
8.	Tổng coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	2.700	KPH	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Việt Hưng)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy, nồng độ ô nhiễm trong nước thải nằm ở quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không thuộc đối tượng quan trắc.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform.	11/2023	01/2024	80%
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform..	11/2023	01/2024	80%

1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số mẫu	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform.	01	Thực hiện theo khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT - BTNMT	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform.	03		

❖ **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Địa chỉ liên hệ: 48/2A đường Bình Hòa 13, Kp. Bình Đáng, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0915.830.220 Website: www.moitruongsaoviet.vn

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 286 theo Quyết định số 1559/QĐ-BTNMT ngày 09/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải

Quan trắc nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của khu vực.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

Quan trắc chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: thường xuyên liên tục

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng

Bảng 6. 3 Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Đơn giá	Chi phí
01 điểm (tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực).	pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nito, Tổng phospho, coliform.	01	04 lần/năm	8.000.000	32.000.000
Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.	03	Thường xuyên	20.000.000	20.000.000
Chi phí nhân công lấy mẫu	-	3 người	02	1.000.000	6.000.000
Chi phí phương tiện đi lại	-	-	02	2.000.000	4.000.000
Tổng cộng					62.000.000

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu

Chủ cơ sở cam kết đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan, thực hiện tốt các biện pháp khống chế và giảm thiểu các tác động xấu đã nêu trong báo cáo này, hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức cụ thể là:

- Thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm không khí theo đúng quy định. Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các công đoạn tại cơ sở không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xung quanh. Trường hợp cơ sở xử lý không đạt quy chuẩn sẽ ngưng hoạt động để tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi tiến hành đưa vào vận hành.

- Cam kết thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp chống ồn và rung.

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống cháy nổ. Xây dựng hệ thống chống sét, chống ồn, rung cho các thiết bị.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn hóa chất

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong chương 6

- Phối hợp với các cơ quan chức năng về quản lý môi trường để nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn kịp thời trong công tác quản lý môi trường.

2. Cam kết thực hiện luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở cam kết trong quá trình cơ sở đi vào vận hành chính thức đảm bảo tuân thủ tốt Luật môi trường, các chất ô nhiễm thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, bao gồm:

❖ Về môi trường không khí

- Môi trường không khí xung quanh: Tuân thủ các quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Môi trường sản xuất đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

❖ Về nước thải

Nước thải phát sinh từ cơ sở được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B

❖ Về chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường và chất thải không nguy hại được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng. Chất thải rắn không nguy hại được thu gom, tập trung và bán cho đơn vị có chức năng thu mua.

- Chất thải nguy hại: được thực hiện đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư

02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải được phân loại, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại thu gom, xử lý.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi cơ sở đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc cơ sở. Đồng thời cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai cơ sở. Cam kết phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi cơ sở kết thúc vận hành.

Công ty Cổ phần Việt Hưng cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và nội dung báo cáo, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành. Công ty chịu trách nhiệm về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với toàn bộ cơ sở trong suốt quá trình hoạt động, thực hiện giám sát và vận hành các công trình xử lý môi trường, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội.

Cam kết thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trước khi đưa cơ sở vào vận hành thương mại.

Cam kết xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ Môi trường, nếu để xảy ra sự cố môi trường, các hoạt động xả thải vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn Môi trường Việt Nam quy định.